

Họ tên: \_\_\_\_\_

ĐIỂM

**BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ THÁNG 8**  
**LỚP 2016 A1 ONL – 08/2024**

**PART A. VOCABULARY**

**Exercise 1. Fill in the blanks.**

1. \_\_\_\_\_ : vịnh
2. \_\_\_\_\_ : cuộc sống/ đời người
3. \_\_\_\_\_ : chợ
4. \_\_\_\_\_ : tên trộm
5. \_\_\_\_\_ : cái hộp
6. \_\_\_\_\_ : mái nhà
7. \_\_\_\_\_ : phà
8. \_\_\_\_\_ : tia
9. \_\_\_\_\_ : tiệm bánh
10. \_\_\_\_\_ : mì ống
11. \_\_\_\_\_ : độ vang (âm nhạc)
12. \_\_\_\_\_ : loài (sinh vật học)
13. \_\_\_\_\_ : tên thương hiệu
14. \_\_\_\_\_ : thời gian  
\_\_\_\_\_ : lần
15. \_\_\_\_\_ : người đưa thư  
\_\_\_\_\_ : thợ ảnh  
\_\_\_\_\_ : y tá  
\_\_\_\_\_ : nhạc sĩ, nhạc công  
\_\_\_\_\_ : kỹ sư

**Exercise 2. Read the following passage and fill in the blanks with the given words.**

<b>magazine</b>	<b>bay</b>	<b>window</b>	<b>castle</b>	<b>garden</b>
-----------------	------------	---------------	---------------	---------------

On a warm summer afternoon, Sarah decided to spend some time relaxing at home. She sat down in her favorite chair and opened a new (1) \_\_\_\_\_ she had just bought. As she flipped through the pages, she looked out of the (2) \_\_\_\_\_ and admired the view. Across the fields, she could see a grand old (3) \_\_\_\_\_ standing tall. In the distance, a high (4) \_\_\_\_\_ overlooked the ocean. The beautiful (5) \_\_\_\_\_ in front of the castle was full of colorful flowers and neatly trimmed bushes, making the whole scene look like a postcard.

**PART B. GRAMMAR**
**Exercise 1. Fill in the blanks with “this/that/these/those”. (Điền “this/that/these/those”.)**

1. \_\_\_\_\_ is my favorite book in my hand.
2. Can you pass me \_\_\_\_\_ pen over there?
3. \_\_\_\_\_ flowers smell wonderful. I can smell their sweet fragrance.
4. \_\_\_\_\_ mountains far away look beautiful with snow on them.
5. Look at \_\_\_\_\_ collection of old coins right here on the table! They are amazing!

**Exercise 2. Circle the correct plural nouns. (Khoanh tròn danh từ số nhiều đúng.)**

1. book	a. bookes	b. books
2. mouse	a. mouses	b. mice
3. peach	a. peaches	b. peachs
4. party	a. parties	b. partys
5. wolf	a. wolfs	b. wolves

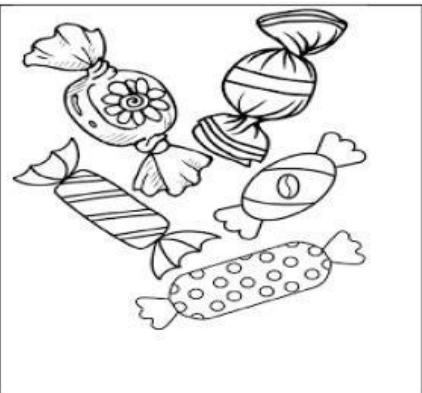
**Exercise 3. Write the plural of these nouns. (Viết dạng số nhiều của các danh từ sau.)**

No	Singular nouns	Plural nouns
1.	spy	

2.	man	
3.	girl	
4.	knife	
5.	moose	
6.	deer	
7.	box	
8.	radio	
9.	baby	
10.	cactus	

**Exercise 4. Put the words in plural to complete sentences. (Chia các từ sau ở dạng số nhiều để hoàn thành câu.)**

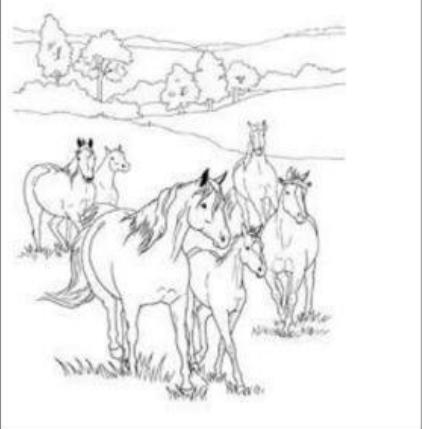
	<p>1. There are two _____.</p>
	<p>2. My _____ are too tight.</p>



3. John has so many \_\_\_\_\_.



4. \_\_\_\_\_ are playing in the garden.



5. How many \_\_\_\_\_ are there?

**Exercise 5. Reorder the words to make correct sentences.**

1. Do/ that/ know/ about/ project/ you/?/

---

2. color/ those/ shoes/ What/ are/?/

---

3. exercises/ want/ to/ I/ you/ those/ help/ with./

---

4. new/ are/ students/ These./

---

5. special/ meal/ this/ very/ Is./

---

~~~~~ THE END ~~~~~